

**BẢNG ĐIỂM THI LẦN 1 HỌC KỲ 20201**  
**Lớp UDPM 4 K10 Mã lớp học 29,751 Thực hành**

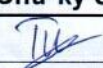
Môn học: UMH34 Quản lý dự án CNTT

Giáo viên: Lương Mạnh Bội

Số đơn vị học trình: 1

Thời gian TH: Từ 1/10 đến 11/11/2020

| STT | Mã SV    | Họ và tên           | Ngày sinh  | Điểm | Số tờ | Chữ ký SV | Ghi chú |
|-----|----------|---------------------|------------|------|-------|-----------|---------|
| 1   | CD181193 | Phùng Tuấn Anh      | 16/05/2000 | 6,0  |       | Anh       |         |
| 2   | CD180872 | Trần Tuấn Anh       | 22/05/2000 | 6,0  |       | Anh       |         |
| 3   | CD182912 | Lã Gia Bách         | 14/07/2000 | 6,0  |       | Bách      |         |
| 4   | CD180855 | Đỗ Thanh Chiêu      | 03/06/2000 | 6,0  |       | Chiêu     | chiêu   |
| 5   | CD181142 | Trịnh Sỹ Dụ         | 03/05/2000 | 7,0  |       | Dụ        |         |
| 6   | CD183048 | Nguyễn Quang Duy    | 17/11/1999 | 6,0  |       | Duy       | Duy     |
| 7   | CD183004 | Nguyễn Thị Thu Hà   | 22/01/2000 | 6,0  |       | Hà        |         |
| 8   | CD180868 | Nguyễn Văn Hải      | 09/02/2000 | 6,0  |       | Hải       |         |
| 9   | CD181133 | Nguyễn Tuấn Hân     | 05/09/2000 | 6,0  |       | Hân       |         |
| 10  | CD181121 | Tiêu Văn Hiền       | 06/12/2000 | 7,0  |       | Hiền      |         |
| 11  | CD182878 | Nguyễn Huy Hùng     | 24/01/2000 | 7,0  |       | Hùng      |         |
| 12  | CD180873 | Phạm Quang Huy      | 14/04/2000 | 6,0  |       | Huy       |         |
| 13  | CD180858 | Nguyễn Đức Lý Huỳnh | 31/10/2000 | 6,0  |       | Huỳnh     |         |
| 14  | CD182987 | Phạm Văn Khải       | 28/02/1998 | 7,0  |       | Khải      |         |
| 15  | CD181210 | Đào Duy Lộc         | 22/11/1999 | 6,0  |       | Lộc       |         |
| 16  | CD182998 | Ngô Đức Long        | 02/01/2000 | 6,0  |       | Long      |         |
| 17  | CD181115 | Nguyễn Hữu Long     | 14/11/2000 | 7,0  |       | Long      |         |
| 18  | CD181197 | Phùng Anh Minh      | 12/06/2000 | 6,0  |       | Minh      |         |
| 19  | CD182910 | Phạm Quang Nam      | 09/11/2000 | 6,0  |       | Nam       |         |
| 20  | CD182887 | Đào Tiến Nghị       | 11/12/2000 | 6,0  |       | Nghị      |         |
| 21  | CD181152 | Vũ Lê Nguyên        | 11/12/1996 | 7,0  |       | Nguyên    |         |
| 22  | CD183090 | Ngô Song Tấn        | 15/09/2000 | 6,0  |       | Tấn       |         |
| 23  | CD182867 | Phạm Văn Thái       | 08/08/2000 | 6,0  |       | Thái      |         |
| 24  | CD182924 | Phạm Thị Thắm       | 14/06/2000 | 6,0  |       | Thắm      |         |
| 25  | CD183091 | Hoàng Kim Bảo Thắng | 06/09/1998 | 6,0  |       | Thắng     |         |
| 26  | CD180891 | Nguyễn Văn Toàn     | 03/08/2000 | 6,0  |       | Toàn      |         |
| 27  | CD182971 | Lê Kiều Trang       | 20/12/1999 | 6,0  |       | Trang     |         |
| 28  | CD180833 | Lê Đức Trung        | 14/02/2000 | 6,0  |       | Trung     |         |
| 29  | CD183162 | Phan Kiên Trung     | 17/01/1999 | 6,0  |       | Trung     |         |
| 30  | CD180851 | Nghiêm Xuân Trường  | 23/09/2000 | 6,0  |       | Trường    |         |
| 31  | CD180915 | Kiều Vũ Anh Tú      | 05/09/2000 | 6,0  |       | Tú        |         |

| STT | Mã SV    | Họ và tên      | Ngày sinh  | Điểm | Số tờ | Chữ ký SV                                                                           | Ghi chú |
|-----|----------|----------------|------------|------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 32  | CD180849 | Nguyễn Tiến Tú | 19/06/2000 | 610  |       |  |         |

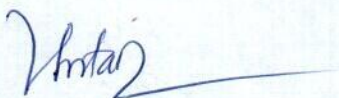
Tổng số SV tham gia thực hành.....32..

Số sinh viên đạt:.....32.....

Ngày giáo viên nộp điểm:.....

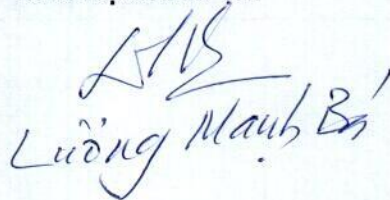
Hạn cuối nộp điểm:.....

**PHÒNG ĐÀO TẠO**



Trần Thị Như Trang

**CÁN BỘ CHẤM THI**



**TRƯỜNG KHOA**